

Số 12595-QĐ/HVCTQG

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022  
của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Căn cứ Quyết định số 145-QĐ/TW ngày 08/8/2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2047/QĐ-TTg ngày 03/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2341/QĐ-BTC ngày 07/12/2021 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 11567-QĐ/HVCTQG ngày 22/9/2022 của Giám đốc Học viện về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Công văn số 11088/BTC-VI ngày 27/10/2022 của Bộ Tài chính về việc điều chỉnh dự toán chi thường xuyên năm 2022 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 Học viện Báo chí và Tuyên truyền theo phụ biểu đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 được điều chỉnh, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 6890-QĐ/HVCTQG ngày 31/12/2021 của Giám đốc Học viện. Chánh Văn phòng Học viện, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Bộ Tài chính (Vụ D),
- KBNN nơi giao dịch,
- Lưu: VT, Vụ KH - TC.



Nguyễn Xuân Thắng

# ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

ĐƠN VỊ: HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

MÃ SỐ: 1070986

MÃ SỐ KBNN NƠI GIAO DỊCH: 0010-0017

(Kèm theo Quyết định số 12595/QĐ/HVCTQG ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Kinh phí trước điều chỉnh	Kinh phí sau điều chỉnh	Chênh lệch		Ghi chú
				Tăng	Giảm	
1	<b>TỔNG SỐ THU, CHI SỰ NGHIỆP, DỊCH VỤ</b>					
1	<b>Số thu sự nghiệp, dịch vụ</b>	<b>103.060</b>	<b>116.005</b>	<b>12.945</b>		
1.1	Thu đào tạo tập trung	70.439	91.000	20.561		
1.2	Thu lệ phí tuyển sinh	387	505	118		
1.3	Thu đào tạo không tập trung	15.960	6.500		9.460	
1.4	Thu sự nghiệp khác	16.274	18.000	1.726		
2	<b>Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ được để lại</b>	<b>103.060</b>	<b>116.005</b>			
	<i>Trong đó dự kiến trích nguồn thực hiện cải cách tiền lương</i>	<i>29.452</i>	<i>29.452</i>			
II	<b>DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>91.580</b>	<b>91.320</b>		<b>260</b>	
1	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề (1)</b>	<b>89.670</b>	<b>89.210</b>		<b>460</b>	
1.1	<b>Chi đào tạo đại học (Loại 070-081)</b>	<b>89.470</b>	<b>89.010</b>		<b>460</b>	
-	Dự toán chi thường xuyên giao tự chủ (2)	-	78.188	78.188		
	Trong đó:					
	<i>Kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên thực hiện cải cách tiền lương</i>	-				
-	Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ	89.470	10.822		78.648	
	Trong đó:					
	<i>Chi mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>			
	<i>Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên khác (3)</i>	<i>822</i>	<i>822</i>	-		
1.2	<b>Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức (Loại 070-085)</b>	<b>200</b>	<b>200</b>			
-	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-			
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	200	200			



TT	Nội dung	Kinh phí trước điều chỉnh	Kinh phí sau điều chỉnh	Chênh lệch		Ghi chú
				Tăng	Giảm	
2	Chi sự nghiệp Khoa học công nghệ (Loại 100-102)	1.660	1.860	200		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	1.660	1.860	200		
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	700	900	200		
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	960	960			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-				
3	Chi điều tra cơ bản - Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế (Loại 280-338)	250	250			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	250	250			

**Ghi chú:**

(1) Kinh phí đảm bảo mức tiền lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng cho cả năm 2022.

(2) đã bao gồm:

- Kinh phí trích lập Quỹ thi đua khen thưởng cấp cơ sở (mức trích tối đa: 330 triệu đồng).

- Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ: 8.517 triệu đồng.

(3) gồm:

- Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên nghèo là người dân tộc thiểu số theo QĐ số 06/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ: 402 triệu đồng

- Kinh phí vốn đối ứng Dự án hỗ trợ Học viện Báo chí và Tuyên truyền nhằm nâng cao năng lực thực thi các chính sách của chính phủ (giai đoạn 2): tối đa không quá 420 triệu đồng (chỉ thực hiện khi có dự toán chi đối ứng được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

